

Số:15/KH-THHH

Hồng Hưng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2024- 2025**

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Căn cứ Công văn 3898/BGDĐT- GDTH ngày 30 tháng 07 năm 2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025:*

*Căn cứ công văn số 1692/SGDDĐT- VP ngày 24/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025;*

*Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2024 – 2025,*

Trường Tiểu học Hồng Hưng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2024-2025**

#### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

##### **1.1. Thời cơ:**

Hồng Hưng là một xã nằm ở phía đông nam huyện Gia Lộc. Địa bàn dân cư tương đối tập trung, toàn xã có 6 thôn. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định.

Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong xã luôn quan tâm, chăm lo đến các hoạt động giáo dục.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trên mọi hoạt động của nhà trường, phối kết hợp trong việc giáo dục học sinh; động viên thầy trò kịp thời trong mọi hoạt động; hỗ trợ học sinh nhà trường nhiều mặt: tinh thần, vật

chất để tu sửa cơ sở vật chất nhà trường.

Trình độ dân trí trong xã những năm gần đây được nâng cao, đa số phụ huynh nhận thức đúng về công tác đổi mới mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục.

Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các thiết bị công nghệ số... Trình độ của một số phụ huynh học sinh ngày được nâng cao, có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...

## **1.2. Thách thức**

Xã hội yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục toàn diện, đòi hỏi nhà trường phải có thay đổi vượt bậc về các điều kiện dạy và học cũng như phương pháp, cách thức tổ chức dạy học nhằm đáp ứng đổi mới.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế và bất cập, Công nghệ thông tin và quốc tế hóa trong giáo dục ngày càng cao đòi hỏi giáo dục phải đổi mới, hội nhập sâu rộng.

Mặt trái của cơ chế thị trường, mặt trái của công nghệ hiện đại ảnh hưởng đến ngành giáo dục nói chung và các nhà trường nói riêng.

Một số phụ huynh đời sống còn khó khăn, chưa có phương pháp giáo dục con phù hợp; chưa thật sự quan tâm đúng mức đến việc phối hợp với nhà trường trong giáo dục học sinh.

Địa phương có rất ít địa điểm để học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và trải nghiệm...

## **2. Đặc điểm của nhà trường năm học 2024 – 2025**

### **2.1 Cơ cấu tổ chức và tình hình đội**

#### **Thuận lợi:**

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo Điều lệ trường tiểu học. Bao gồm: 1 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng, 3 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường được sắp xếp hợp lý, cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông.

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 33. Cụ thể:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	SL	Nữ	Trình độ ĐT		Đảng viên	Đoàn viên	Ghi chú
				ĐH	CĐ			
<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>2</b>		
1.	Hiệu trưởng	1	1	1		1		
2.	Phó hiệu trưởng	1	1	1		1		

<b>Giáo viên</b>		<b>28</b>	<b>25</b>	<b>28</b>		<b>16</b>		
1.	GV dạy môn cơ bản	22	20	22		13		
2.	GV dạy môn chuyên	6	5	6		3		
2.1	Ngoại ngữ	2	2	2		1		
2.2	Tin học và Công nghệ	1	0	1				
2.3	Giáo dục thể chất	1	1	1		1		
2.4	Nghệ thuật ( Âm nhạc)	1	1	1		1		
2.5	Nghệ thuật ( Mĩ thuật)	1	1	1				
<b>Nhân viên</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		
1.	Thư viện - Thiết bị	1	1	1				
2.	Văn thư - Kế toán	1	1	1		1		
3.	Thủ quỹ - Y tế	1	1		1			
<b>Tổng</b>		<b>33</b>	<b>30</b>	<b>32</b>	<b>1</b>	<b>19</b>		

**Khó khăn:**

- Tỷ lệ giáo viên độ tuổi 40 - 50 cao, việc sử dụng thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tư vấn của giáo viên có rất nhiều hạn chế.
- Một số giáo viên chưa thật chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

**2.1 Đặc điểm tình hình học sinh**

**Thuận lợi:**

Trường có 639 học sinh chia thành 20 lớp. Tỷ lệ HS/ lớp: 32,8 HS/lớp. Cụ thể

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS nữ	HSKT	Trẻ mồ côi	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	HS lưu ban
1	4	113	49	0	0	0	0	3
2	4	124	48	0	0	1	1	0
3	4	134	60	0	1	0	1	0
4	4	133	76	1	0	0	3	0
5	4	135	59	0	0	1	7	0
<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>639</b>	<b>292</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>3</b>

**Khó khăn:**

- Một số HS tiếp thu chậm, năng lực hạn chế, chưa được sự quan tâm nhiều từ phía gia đình nên không hoàn thành môn học.

- Vì ở vùng nông thôn nên học sinh ít có điều kiện tiếp xúc với ngoại ngữ và các hoạt động nghệ thuật, ít được trải nghiệm.

### **2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

#### **Thuận lợi:**

- Khối phòng hành chính quản trị: có đủ các phòng, các phòng đều trang bị được trang bị các máy móc, thiết bị đảm bảo phục vụ công việc hành chính quản trị.

- Khối phòng học tập: có đủ 20 phòng học/20 lớp, các phòng học đều kiên cố, có đủ bàn ghế, bảng, tủ, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt...

- Phòng bộ môn có 06 phòng gồm: Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, Khoa học – công nghệ, phòng học đa năng, các phòng đều có thiết bị dạy học cơ bản phục vụ cho việc dạy học các môn học.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: có Thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống; phòng Đội thiếu niên. Thư viện có phòng đọc học sinh và phòng đọc giáo viên riêng biệt.

- Khối phụ trợ: có phòng họp, phòng y tế, nhà kho. khu để xe học sinh; khu vệ sinh học sinh bảo đảm phục vụ tốt cho học sinh toàn trường.

- Khu sân chơi, thể dục, thể thao: có khu sân chơi có mái, nền được lát gạch bằng phẳng, sạch đẹp; có hệ thống cây xanh mát đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động chung toàn trường.

- Khối phục vụ sinh hoạt: có nhà ăn, nhà ngủ độc lập với khối phòng học tập. Hệ thống nhà ăn, phòng ngủ đảm bảo sạch sẽ, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho học sinh bán trú.

- Hạ tầng kỹ thuật: nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, hệ thống điện an toàn đảm bảo cung cấp điện đầy đủ cho các hoạt động; hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo quy định; hệ thống mạng Internet kết nối với toàn bộ các máy vi tính, ti vi của các lớp, sử dụng thuận tiện, hiệu quả.

#### **Khó khăn:**

- Các khối phòng đã xây dựng lâu năm nên xuống cấp nhiều, cần sửa chữa.

- Diện tích các phòng còn nhỏ, hẹp. Một số phòng diện tích chưa đảm bảo yêu cầu.

- Một số trang thiết bị trong các phòng đã cũ, hoạt động chậm.

- Tiến độ xây dựng nhà đa năng còn chậm.

### **3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

- **Chương trình:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông).

- **Tài liệu dạy học:** Nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong danh

mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT, của UBND tỉnh Hải Dương.

Cụ thể:

TT	TÊN SÁCH	Bộ sách	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
2.	Toán 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
3.	Đạo đức 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
4.	TNXH 1,2,3,4,5	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
5.	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
6.	Lịch sử&Địa lý	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
7.	Giáo dục thể chất 1,2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
	Giáo dục thể chất 3,4,5	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
8.	Âm nhạc 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
9.	Mĩ thuật 1,2,3,4,5	Chân trời sáng tạo	Nhà XBGD Việt Nam
10.	Hoạt động trải nghiệm 1,2,3,4,5	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
11.	Tin học 3,4,5	Tin học 3, 4 (Tổng Chủ biên: Lê Khắc Thành)	Nhà xuất bản Đại học Vinh
12.	Công nghệ 3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
13.	Tiếng Anh 3, 4,5	Global Success	NXB Giáo dục VN
14.	Tài liệu GD ĐP	Sở GD&ĐT Hải Dương biên tập	

**- Tổ chức hoạt động trải nghiệm:**

+ Mỗi tuần thực hiện 01 tiết HĐTN (chào cờ) vào sáng thứ hai, và một tiết HĐTN (SHL) tổng cộng 70 tiết.

+ Dạy hoạt động giáo dục theo chủ đề theo SGK HĐTN (xếp theo thời khóa biểu) tổng cộng 35 tiết.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể theo chủ đề tháng.

**- Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương:**

+ Tổ chức dạy giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong một số môn học và hoạt động giáo dục. Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

+ Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương. Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu do Sở GD&ĐT Hải Dương biên soạn.

- **Giáo dục STEM**: Triển khai ở tất cả các khối lớp theo Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học. Thời lượng thực hiện giáo dục STEM tối thiểu 01 chủ đề/học kỳ/khối lớp.

- Tiết đọc, tiết học thư viện: Đưa tiết đọc tại thư viện vào chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo tối thiểu 02 tiết/học kỳ/lớp; tiết học tại thư viện bảo đảm tối thiểu 01 tiết/học kỳ/môn học.

- **Giáo dục kỹ năng công dân số**: thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

## II – MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

### 1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 100% HS học 2 buổi/ngày.

Xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đạt chất lượng khá tốt. Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tạo điều kiện để mỗi học sinh có được cơ hội bình đẳng trong học tập, sinh hoạt, phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

**2. Chỉ tiêu cụ thể** (*Chi tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học*)

Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học Hồng Hưng phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

Chất lượng giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
<b>I. Các môn học, HĐGD</b>												

<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	55	48.7	54	43.5	76	56.7	70	53	70	51.9	325	50.94
Hoàn thành	56	49.6	69	55.6	57	42.5	60	45.5	65	48.1	307	48.12
Chưa HT	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94
<b>2. Toán</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	70	61.9	58	46.8	76	56.7	71	53.8	74	54.8	349	54.70
Hoàn thành	41	36.3	65	52.4	57	42.5	59	44.7	61	45.2	283	44.36
Chưa HT	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94
<b>3. Đạo đức</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	80	70.8	56	45.2	77	57.5	71	53.8	87	64.4	371	58.15
Hoàn thành	33	29.2	68	54.8	57	42.5	59	44.7	48	35.6	265	41.54
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	2	1.52	0	0	2	0.31
<b>4. TN và XH</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>371</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	69	61.1	57	46	76	56.7	0	0	0	0	202	54.45
Hoàn thành	44	38.9	67	54	58	43.3	0	0	0	0	169	45.55
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>5. Khoa học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>267</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	72	54.5	76	56.3	148	55.43
Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	59	44.7	59	43.7	118	44.19
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.38
<b>6. LS&amp;DL</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>267</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	70	53	71	52.6	141	52.81
Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	61	46.2	64	47.4	125	46.82
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.37
<b>7. GD thể chất</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	54	47.8	60	48.4	73	54.5	70	53	74	54.8	331	51.88
Hoàn thành	59	52.2	64	51.6	61	45.5	61	46.2	61	45.2	306	47.96
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.16
<b>8. Âm nhạc</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	54	47.8	49	39.5	69	51.5	68	51.5	72	53.3	312	48.90
Hoàn thành	59	52.2	75	60.5	65	48.5	63	47.7	63	46.7	325	50.94
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.16
<b>9. Mĩ thuật</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành tốt	52	46	49	39.5	69	51.5	67	50.8	73	54.1	310	48.59

Hoàn thành	61	54	75	60.5	65	48.5	64	48.5	62	45.9	327	51.25	
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.16	
<b>10. Tiếng Anh</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>	
Hoàn thành tốt	58	51.3	59	47.6	75	56	76	57.6	79	58.5	347	54.39	
Hoàn thành	55	48.7	64	51.6	58	43.3	56	42.4	56	41.5	289	45.30	
Chưa HT	0	0	1	0.81	1	0.75	0	0	0	0	2	0.31	
<b>11. Tin học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>401</b>	<b>62.85</b>	
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	79	59	68	51.5	75	55.6	222	34.80	
Hoàn thành	0	0	0	0	55	41	63	47.7	60	44.4	178	27.90	
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	1	0.74	2	0.31	
<b>12. Công nghệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>401</b>	<b>100.00</b>	
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	74	55.2	69	52.3	76	56.3	219	<b>54.61</b>	
Hoàn thành	0	0	0	0	60	44.8	62	47	59	43.7	181	<b>45.14</b>	
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	<b>0.25</b>	
<b>13. HD TN</b>	<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>	
Hoàn thành tốt	71	62.8	54	43.5	75	56	74	56.1	76	56.3	350	54.86	
Hoàn thành	42	37.2	70	56.5	59	44	58	43.9	59	43.7	288	45.14	
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	
<b>II. Phẩm chất chủ yếu</b>													
		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
<b>Yêu nước</b>	Tốt	<b>95</b>	84.1	124	100	134	100	126	95.5	134	99.3	613	96.08
	Đạt	18	15.9	0	0	0	0	6	4.55	1	0.74	25	3.92
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>Nhân ái</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>95</b>	84.1	124	100	134	100	132	100	131	97	616	96.55
	Đạt	18	15.9	0	0	0	0	0	0	4	2.96	22	3.45
CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>Chăm chỉ</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>83</b>	73.5	89	71.8	87	64.9	95	72	90	66.7	444	69.59
	Đạt	30	26.5	35	28.2	47	35.1	37	28	45	33.3	194	30.41
CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>Trung thực</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>91</b>	80.5	103	83.1	111	82.8	116	87.9	107	79.3	528	82.76
	Đạt	22	19.5	21	16.9	23	17.2	16	12.1	28	20.7	110	17.24



	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>Trách nhiệm</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>86</b>	76.1	79	63.7	94	70.1	101	76.5	87	64.4	447	70.06
	Đạt	27	23.9	45	36.3	40	29.9	31	23.5	48	35.6	191	29.94
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00
<b>III. Năng lực</b>													
<b>1.Năng lực chung</b>													
<b>Tự chủ và tự học</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>51</b>	45.1	91	73.4	91	67.9	89	67.4	90	66.7	412	64.58
	Đạt	60	53.1	32	25.8	42	31.3	42	31.8	45	33.3	221	34.64
	CCG	2	1.77	1	0.81	1	0.75	1	0.76	0	0	5	0.78
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>52</b>	46	80	64.5	102	76.1	82	62.1	85	63	401	62.85
	Đạt	59	52.2	44	35.5	32	23.9	49	37.1	50	37	234	36.68
	CCG	2	1.77	0	0	0	0	1	0.76	0	0	3	0.47
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>52</b>	46	49	39.5	69	51.5	67	50.8	74	54.8	311	48.75
	Đạt	59	52.2	74	59.7	64	47.8	63	47.7	61	45.2	321	50.31
	CCG	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94
<b>2. Năng lực đặc thù</b>													
<b>Ngôn ngữ</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>52</b>	46	62	50	82	61.2	70	53	70	51.9	336	52.66
	Đạt	59	52.2	61	49.2	51	38.1	60	45.5	65	48.1	296	46.39
	CCG	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94
<b>Tính toán</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	<b>70</b>	61.9	63	50.8	79	59	76	57.6	74	54.8	362	56.74
	Đạt	41	36.3	60	48.4	54	40.3	54	40.9	61	45.2	270	42.32
	CCG	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94
<b>Công nghệ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	401	100.00
	Tốt	0	0	0	0	74	55.2	69	52.3	76	56.3	219	54.61
	Đạt	0	0	0	0	60	44.8	62	47	59	43.7	181	45.14
	CCG	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.25
		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>

<b>Khoa học</b>	Tốt	<b>69</b>	61.1	60	48.4	79	59	72	54.5	76	56.3	356	55.80
	Đạt	42	37.2	64	51.6	55	41	59	44.7	59	43.7	279	43.73
	CCG	2	1.77	0	0	0	0	1	0.76	0	0	3	0.47
<b>Thăm mĩ</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	52	46	60	48.4	78	58.2	68	51.5	73	54.1	331	51.88
	Đạt	59	52.2	64	51.6	56	41.8	63	47.7	62	45.9	304	47.65
	CCG	2	1.77	0	0	0	0	1	0.76	0	0	3	0.47
<b>Tin học</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	401	100.00
	Tốt	0	0	0	0	79	59	68	51.5	75	55.6	222	55.36
	Đạt	0	0	0	0	55	41	63	47.7	60	44.4	178	44.39
	CCG	0	0	0	0	0	0	1	0.76	0	0	1	0.25
<b>Thẻ chất</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
	Tốt	54	47.8	63	50.8	79	59	70	53	74	54.8	340	53.29
	Đạt	57	50.4	61	49.2	55	41	61	46.2	61	45.2	295	46.24
	CCG	2	1.77	0	0	0	0	1	0.76	0	0	3	0.47
<b>IV. Xếp loại GD</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
<b>HT xuất sắc</b>	38	33.6	23	18.5	<b>47</b>	35.1	52	39.4	53	39.3	213	33.39	
<b>HT tốt</b>	14	12.4	25	20.2	<b>22</b>	16.4	14	10.6	16	11.9	91	14.26	
<b>Hoàn thành</b>	59	52.2	75	60.5	<b>64</b>	47.8	64	48.5	66	48.9	328	51.41	
<b>Chưa HT</b>	2	1.77	1	0.81	<b>1</b>	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94	
<b>IV.Khen thưởng</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
HS Xuất sắc	38	33.6	23	18.5	47	35.1	52	39.4	53	39.3	213	33.39	
HS Tiêu biểu	14	12.4	25	20.2	22	16.4	14	10.6	16	11.9	91	14.26	
<b>V.HTCTLH, CTTH</b>		<b>113</b>	<b>100</b>	<b>124</b>	<b>100</b>	<b>134</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>100</b>	<b>135</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100.00</b>
Hoàn thành	111	98.2	123	99.2	133	99.3	130	98.5	135	100	632	99.06	
Chưa HT	2	1.77	1	0.81	1	0.75	2	1.52	0	0	6	0.94	

### III. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

#### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tôn g	HK I	HKI I	Tôn g	HK I	HKI I	Tôn g	HK I	HKI I	Tôn g	HK I	HKI I	Tôn g	HK I	HKI I
1. Môn học /hoạt động giáo dục bắt buộc																

1	TV	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	T	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	ĐĐ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	KH										70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
7	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	ÂN	35	17	18	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	MT	35	17	18	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
13	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Tổng		875	448	427	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510

### 2. Môn học tự chọn

1	NN 1	70	36	34	70	36	34									
Tổng		70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0

### 3. HĐ củng cố, tăng cường

1	TV tăng	133	66	67	97	48	49	96	46	50	66	29	37	67	30	37
2	T tăng	94	46	48	96	46	50	97	47	50	65	27	38	68	30	38
3	MT tăng				35	17	18									
4	HĐTN (t)lớp	28	14	14	27	13	14	27	13	14	19	14	5	15	10	5
5	HĐTN(t)ot rg	25	13	12	25	13	12	25	13	12	25	13	12	25	13	12
Tổng		280	139	141	280	137	143	245	119	126	175	83	92	175	83	92
Tổng chung		1225	623	602	1225	623	602	1225	623	602	1225	623	602	1225	623	602

## 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu của người học

### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể

Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của từng tháng. Mỗi tháng tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của tháng.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2024	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học mới	Tập trung	5/9/2024	Toàn trường	CMHS, Đại biểu xã.
		Vui Tết Trung thu	Tập trung	22/9/2024	Toàn trường	CMHS

Tháng 10/2024	Chăm ngoan – Học tốt	Ngày hội Tiếng Anh	Tập trung	11/10/2024	Toàn trường	CMHS, TT Anh ngữ
Tháng 11/2024	Yêu quý thầy cô giáo	Liên hoan văn nghệ	Tập trung	20/11/2024	Toàn trường	CMHS
Tháng 12/2024	Uống nước nhớ nguồn	Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	22/12/2024	Toàn trường	CMHS + Hội CCB
Tháng 01/2025	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.	Chào xuân 2025	Tập trung	22/1/2025	GVCN, HS	CMHS
Tháng 2/2025	Mừng Đảng	Ngày hội STEM	Tập trung	24/02/2025	Toàn trường	CMHS
Tháng 3/2025	Thiếu nhi vui – khỏe	Ngày hội TN vui khỏe	Tập trung	26/03/2025	Toàn trường	CMHS, Đoàn TN xã
Tháng 4/2025	Ngày hội non sông	Hội thi "Tự hào trang sử Việt" chào mừng kỉ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và hưởng ứng Ngày sách và văn hóa đọc VN	Tập trung	21/4/2025	Toàn trường	CMHS, Hội CCB, BCH Đoàn xã

**2.2. Các hoạt động giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường**

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng	Thời gian	Địa điểm
1	Hoạt động đọc sách tại thư viện	Đọc sách	HS	Tiết đọc sách, giờ ra chơi	Thư viện thân thiện, sân trường, tủ sách tại lớp
	Câu lạc bộ sở thích, năng khiếu tự nguyện	- Bóng đá, cờ vua - Em yêu Tiếng Việt, Toán học nhỏ tuổi, Tiếng Anh	HS	16h30-17h20	Sân trường. Phòng học bộ môn
	Hoạt động vui	Vui chơi tự do	HS	Giờ ra chơi, ra về	Sân trường, thư viện thân thiện

	chơi tự do của học sinh				
	Hoạt động phục vụ bán trú	Ăn trưa, nghỉ và ngủ trưa	HS bán trú	10h30 – 13h30	Nhà ăn, phòng ngủ, thư viện.

### 3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

#### 3.1 Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025

Thời gian thực hiện chương trình cụ thể từng tuần như sau:

HK	Tháng	Tuần	Ngày trong tuần	Số buổi	Số tiết	Ghi chú
		0	5,6/9			
Học kỳ I	9 /2024	1	9/9 - 15/9	10	35	
		2	16/9 - 22/9	10	35	
		3	23/9 - 29/9	10	35	
	10 /2024	4	30/9 - 6/10	10	35	
		5	7/10 - 13/10	10	35	
		6	14/10 - 20/10	10	35	
		7	21/10 - 27/10	10	35	
		8	28/10 - 3/11	10	35	
	11 /2024	9	4/11 - 10/11	10	35	
		10	11/11 - 17/11	10	35	
		11	18/11 - 24/11	10	35	
		12	25/11 - 1/12	10	35	
	12 /2024	13	02/12 - 08/12	10	35	
		14	9/12 - 15/12	10	35	
		15	16/12 - 22/12	10	35	
		16	23/12 - 29/12	10	35	
1 /2025	17	30/12 - 5/1	8	28	Nghỉ Tết DL	
	18	06/01- 12/01	10	35		
	Đệm	13/01 - 19/01	8	28		
	19	20/01 - 24/01	10	35		
		<b>25/01 -2 /2</b>	0	0	Nghỉ Tết ÂL	
Học kỳ II	2 /2025	20	3/02 - 09/02	10	35	
		21	10/02 - 16/02	10	35	
		22	17/02 - 23/2	10	35	
		23	24/2- 2/3	10	35	
	3 /2025	24	3/3 - 9/3	10	35	
		25	10/3 - 16/3	10	35	
		26	17/3 -23/3	10	35	
		27	24/3 - 30/3	10	35	

	4 /2025	28	31/3 - 6/4	10	35	
		29	7/4 - 13/4	8	28	Nghỉ 1 ngày Giỗ Tổ Hùng Vương
		30	14/4 - 20/4	10	35	
		31	21/4 - 27/4	10	35	
		32	28/4 - 4/5	6	21	Nghỉ ngày 30/4, 1/5
	5 /2025	33	5/5 - 11/5	10	35	
		34	12/5 - 18/5	10	35	
		35	19/5 - 25/5	10	35	
		Đêm	26/5 - 31/5			
					<b>350</b>	<b>1225</b>

### 3.2 Số lượng tiết học và Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

#### 3.2.1 Lớp 1:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (phụ lục 1.1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo - phụ lục 1.2).

#### 3.2.2 Lớp 2:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (phụ lục 2.1).

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo - phụ lục 2.2)

#### 3.2.3 Lớp 3

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (phụ lục 3.1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo, - phụ lục 3.2)

#### 3.2.4 Lớp 4

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (phụ lục 4.1)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động TN kèm theo - phụ lục 4.2).

#### 3.2.5 Lớp 5:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (*phụ lục 5.1*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (*có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo - phụ lục 5.2*).

### **3.3 Kế hoạch tổ chức các tiết Hoạt động trải nghiệm sinh hoạt dưới cờ**

Phần 1: Nghi lễ, hành chính

Phần 2: Hoạt động kết nối HS toàn trường theo chủ đề (*phụ lục 6*)

## **IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm an toàn trường học**

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; kiểm tra, rà soát, đánh giá lại chất lượng các công trình trường học, lập kế hoạch và thực hiện việc bảo trì công trình theo quy định; không sử dụng các công trình không bảo đảm an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường học, công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

### **2. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên**

Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

Đổi mới hình thức chuyên đề như: Xây dựng tiết dạy theo nhóm, xem băng hình, đi thăm quan học tập những giáo viên, lớp điển hình của trường mình hoặc trường bạn...; tổ chức có hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường theo hướng nghiên cứu bài học, khuyến khích giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến.

### **3. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá**

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

Trên cơ sở thành tựu đã đạt được của những năm học trước, năm học 2024- 2025, nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục.

Tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường: Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học; giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục về quyền con người.

Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

### ***b. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá***

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.



#### **4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường học**

Tham mưu các cấp bố trí ngân sách phù hợp cho đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện mua sắm thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT.

Thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

Công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng *“thiết bị đến trường mà không ra lớp”*.

Xây dựng kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu dành cho tiết đọc thư viện và tiết học thư viện theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số.

Huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

#### **5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

Tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Thực hiện chuyển đổi số: Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, Kho học liệu số theo kế hoạch của Bộ GDĐT.

Thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

## **6. Tăng cường bồi dưỡng học sinh năng khiếu; quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập, hạn chế về năng lực, phẩm chất.**

- Tổ chức rà soát, kiểm tra phân loại các đối tượng học sinh, thành lập các câu lạc bộ theo môn học, theo sở thích, năng khiếu của từng học sinh; lựa chọn giáo viên có năng lực phù hợp với các môn học, hoạt động giáo dục để hướng dẫn học sinh phát triển năng khiếu; khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi: giải toán, Tiếng Anh qua mạng; Violympic Toán, Trạng nguyên Tiếng Việt,...

- Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập, hạn chế về năng lực, phẩm chất, giáo viên theo dõi sát sao, hướng dẫn phương pháp học tập, phối hợp với gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Đối với học sinh khuyết tật: Huy động và duy trì tối đa số trẻ khuyết tật có khả năng học tập đến trường (hiện tại có 1 HS khuyết trí tuệ); xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật; thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013.

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

- Tham gia sinh hoạt ở tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **2. Phó hiệu trưởng**

- Giúp Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình của giáo viên.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tham gia sinh hoạt ở tổ chuyên môn để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **3. Tổ trưởng chuyên môn**

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD của tổ/khối chuyên môn, triển khai nghiên cứu góp ý xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2025 của trường; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tổ chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ. Xây dựng chương trình công tác hàng tuần, hàng tháng để triển khai thực hiện và có trách nhiệm đôn đốc tổ viên thực hiện.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

### **4. Giáo viên chủ nhiệm**

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm và giảng dạy theo bộ môn phụ trách.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại, ghi học bạ, báo cáo trung thực, chính xác.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Giữ mối liên hệ chặt chẽ với CMHS.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

### **5. Đối với giáo viên phụ trách môn học**

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy theo bộ môn phụ trách.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của môn giảng dạy.
- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

## **6. Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Xây dựng kế hoạch sinh hoạt dưới cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

## **6. Nhân viên thư viện, thiết bị**

Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

Tham mưu tổ chức các hoạt động Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Tiểu học Hồng Hưng. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./.

*Nơi nhận*

- Phòng GDĐT (để b/c);
- CB, GV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Chuế**